

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *917*/QĐ-UBND

Khánh Sơn, ngày 21 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 4039/SKHĐT-TH ngày 14/12/2018 của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc Thông báo chỉ tiêu hướng dẫn kế hoạch năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn khóa VIII, kỳ họp thứ 7 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện; phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn khóa VIII, kỳ họp thứ 7 về phân bổ nguồn vốn và danh mục đầu tư công thuộc nguồn vốn phân cấp năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn khóa VIII, kỳ họp thứ 7 về chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Khánh Sơn tại Tờ trình số 787/TTr-TCKH ngày 21/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ tiêu kế hoạch & dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo biểu đính kèm từ Phụ lục 01 đến Phụ lục 07.

Điều 2.

1. Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai chi tiết kế hoạch thực hiện & dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được Chủ tịch UBND huyện giao; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn; Phân bổ vốn đầu tư phát triển theo nhiệm vụ đã được phân cấp. Phân bổ vốn đầu tư cho duy tu, sửa chữa các công trình trên địa bàn (Cấp huyện phân bổ tối thiểu 5%-10% từ nguồn vốn phân cấp do cấp huyện quản lý để bảo trì và sửa chữa lớn các công trình do huyện quản lý; Cấp xã, thị trấn phân bổ tối thiểu 5% từ nguồn vốn phân cấp do cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa lớn các công trình do cấp xã, thị trấn quản lý). Sử dụng nguồn vốn phân cấp xã như là một trong những nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới.

3. Đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và công khai ngân sách nhà nước đúng theo quy định; Tạo điều kiện để các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân thực hiện việc giám sát các khoản thu chi ngân sách nhà nước, các khoản huy động đóng góp của nhân dân.

4. Các phòng, ban, đơn vị triển khai phân bổ dự toán thu, chi và vốn đầu tư phát triển của đơn vị mình; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo chế độ quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- TT HĐND, TT UBND;
- Lưu: VT: *anh*



Nguyễn Văn Nhuận

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Khánh Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019		
		Tổng số	NS cấp huyện	NS cấp xã
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	12.680	11.923	757
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	12.680	11.923	757
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	12.680	11.923	757
1	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	8.300	7.718	582
1.1	Tổ chức kinh doanh SX hàng hóa dịch vụ	7.718	7.718	
	- Thuế Giá trị gia tăng	6.648	6.648	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	770	770	
	- Thuế tài nguyên	300	300	
	- Thu khác	0		
1.2	Cá nhân kinh doanh SX hàng hóa dịch vụ	582		582
	- Thuế Giá trị gia tăng	582		582
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		
	- Thuế môn bài	0		
	- Thu khác	0		
2	Lệ phí trước bạ	1.650	1.580	70
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất	0		
3	Thuế nhà đất	0		
4	Thuế thu nhập cá nhân	900	900	
5	Thu phí và lệ phí	600	495	105
	- Phí và lệ phí trung ương thu	40	40	
	- Phí và lệ phí tỉnh	10	10	
	- Phí và lệ phí huyện	455	455	
	+ Phí BVMT đối với Khai thác khoáng sản	40	40	
	+ Lệ phí môn bài	90	90	
	+ Phí và lệ phí khác	325	325	
	- Phí và lệ phí xã	105		105
	+ Lệ phí môn bài	102		102
	+ Phí và lệ phí khác	3		3
6	Thu tiền sử dụng đất	700	700	-
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	8	8	
8	Thu tiền bán và thuê nhà thuộc sở hữu NN	0		
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	22	22	
	- Cơ quan Trung ương cấp giấy phép	22	22	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019		
		Tổng số	NS cấp huyện	NS cấp xã
10	Thu khác ngân sách	500	500	
	- Ngân sách Trung ương	490	490	
	- Ngân sách tỉnh thu	0		
	- Ngân sách huyện	10	10	
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	0		
	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN (I+II+III)	342.286	291.449	50.837
I	Thu cân đối ngân sách huyện	292.043	291.449	594
1	Thu được hưởng theo phân cấp	8.940	8.346	594
	- Các khoản thu hưởng 100%	3.180	3.005	175
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	5.760	5.341	419
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	283.103	283.103	
	- Bổ sung cân đối	280.437	280.437	
	- Bổ sung có mục tiêu (Cải cách tiền lương huyện)	2.666	2.666	
II	Thu chuyển giao	50.243		50.243
1	Bổ sung cân đối	50.243		50.243
III	Thu ngoài cân đối ngân sách huyện	0	0	0
1	Thu phí, lệ phí và thu khác	0	0	

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Khánh Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019		
		Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI (A+B)	292.043	241.206	50.837
A	Tổng chi cân đối ngân sách <i>(không kể chi bổ sung cho NS cấp xã)</i>	292.043	241.206	50.837
I	Chi đầu tư phát triển:	34.700	25.842	8.858
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản phân cấp	34.000	25.142	8.858
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700	700	
II	Chi thường xuyên	246.730	205.720	41.010
1	Chi an ninh, quốc phòng	6.426	2.235	4.191
	- Chi an ninh	2.008	760	1.248
	- Chi quốc phòng	4.418	1.475	2.943
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	134.823	134.471	352
	- Chi sự nghiệp giáo dục	134.139	133.787	352
	- Chi sự nghiệp đào tạo	684	684	
3	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	1.448	1.155	293
4	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	1.474	1.263	211
5	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	688	596	92
6	Chi đảm bảo xã hội	11.746	11.233	513
7	Chi sự nghiệp kinh tế	26.407	23.299	3.108
8	Chi sự nghiệp Y tế	217	217	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	690	540	150
10	Chi quản lý hành chính	61.137	29.211	31.926
11	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	0	0	
12	Chi khác ngân sách	1.674	1.500	174
III	Dự phòng ngân sách	6.824	5.855	969
IV	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	3.789	3.789	

TỔNG HỢP DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Khánh Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

SỐ TT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	DỰ TOÁN NĂM 2019		
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
	TỔNG CHI (A+B)	800	291.449	291.449	
A	Tổng chi NS cấp huyện (AI+AII)	800	291.449	291.449	
A.I	Chi cân đối ngân sách cấp huyện	810	241.206	241.206	
1	Chi đầu tư phát triển:	820	25.842	25.842	
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản phân cấp	821	25.142	25.142	
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	821	700	700	
2	Chi thường xuyên	860	205.720	205.720	
2.1	Chi quốc phòng	861	1.475	1.475	
2.2	Chi an ninh	862	760	760	
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	864	134.471	134.471	
	- Chi sự nghiệp giáo dục		133.787	133.787	
	- Chi sự nghiệp đào tạo		684	684	
2.4	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	868	1.155	1.155	
2.5	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	869	1.263	1.263	
2.6	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	871	596	596	
2.7	Chi đảm bảo xã hội	872	11.233	11.233	
2.8	Chi sự nghiệp kinh tế	873	23.299	23.299	
2.9	Chi sự nghiệp Y tế	526	217	217	
2.10	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	874	540	540	
2.11	Chi quản lý hành chính	875	29.211	29.211	
2.12	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	876	0	0	
2.13	Chi khác ngân sách	877	1.500	1.500	
3	Dự phòng ngân sách	932	5.855	5.855	
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	933	3.789	3.789	

SỐ TT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	DỰ TOÁN NĂM 2019		
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A.II	Bổ sung cho ngân sách cấp xã	950	50.243	50.243	
1	Bổ sung có mục tiêu	951			
2	Bổ sung cân đối	952	50.243	50.243	
	- Xã Thành Sơn		6.391	6.391	
	- Xã Sơn Lâm		6.145	6.145	
	- Xã Sơn Bình		6.557	6.557	
	- Xã Sơn Hiệp		6.375	6.375	
	- Thị trấn Tô Hạp		6.139	6.139	
	- Xã Sơn Trung		5.649	5.649	
	- Xã Ba Cùm Bắc		7.169	7.169	
	- Xã Ba Cùm Nam		5.818	5.818	

